

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2019/HS-ST

Ngày: 05 – 3 – 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Minh Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thiện

2. Bà Nguyễn Thị Túy Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Mai Chiến Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 43/2019/TLST-HS ngày 01 tháng 02 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2019/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo:

Trần Quốc T, sinh năm 1976, tại tỉnh Quảng Ngãi;

Nơi ĐKNKTT: Thôn N, xã Bình C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn (văn hóa): Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quốc Đ và bà Nguyễn Thị M; tiền sự: Không;

Nhân thân:

+ Năm 1996 bị Tòa án nhân dân thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

+ Năm 1999 bị Tòa án nhân dân huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

+ Năm 2000 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt 36 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích.

+ Ngày 26/5/2005 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt 07 năm tù về tội Cướp giật tài sản.

+ Ngày 26/9/2014 bị Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

+ Ngày 17/02/2017 bị Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 07 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (theo bản án số 22/2017/HSST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/4/2017.

Tiền án:

+ Ngày 06/9/2017 bị Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 08 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (theo bản án số 227/2017/HSST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/02/2018.

Bị bắt, tạm giữ từ ngày 15/10/2018 và tạm giam cho đến nay, có mặt.

- *Bị hại*: Bà Vũ Thị H, sinh năm 1977; trú tại: Khu phố B, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Bà Trịnh Thị N, sinh năm 1978; trú tại: Tổ 2, khu phố K, phường T, thị xã U, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

- *Người làm chứng*: Ông Phạm Văn Lực, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ, ngày 15/10/2018, Trần Quốc T điều khiển xe mô tô biển số 61E1-296.14 đi vào khu dân cư M thuộc khu phố B, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương để tìm tài sản trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài. Khi đi đến trước khu phố B, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương thì Trần Quốc T phát hiện cửa nhà không khóa và có bà Vũ Thị H đang nằm ngủ trên võng. Trần Quốc T dừng xe đi vào trong nhà chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại OPPO F7 màu đen. Sau đó Trần Quốc T đi ra ngoài lên xe định tẩu thoát thì bị bà Vũ Thị H phát hiện tri hô, Trần Quốc T bỏ xe chạy bộ được khoảng 50m thì bị người dân truy đuổi bắt giữ Trần Quốc T cùng tang vật.

Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại di động hiệu OPPO F7 màu đen, 01 xe mô tô biển số 61E1-296.14.

Biên bản và Kết luận định giá tài sản ngày 22/10/2018 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng Hình sự thị xã Thuận An kết luận: 01 điện thoại di động hiệu OPPO F7 màu đen trị giá 4.000.000 đồng.

Bản cáo trạng số 64/CT-VKS-TA ngày 30/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An truy tố bị cáo Trần Quốc T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu và không có ý kiến gì về nội dung bản Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An đã truy tố.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm, xử phạt bị cáo Trần Quốc T từ 02 (hai) năm tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù và đề nghị xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với nhau, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, vật chứng thu giữ, lời khai của bị hại nên có đủ cơ sở kết luận:

- Vào khoảng 14 giờ 00 phút ngày 15/10/2018, tại địa chỉ nhà số 48/5A9, khu phố B, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương, lợi dụng việc bà Vũ Thị H đang ngủ bị cáo Trần Quốc T đã lén lút chiếm đoạt tài sản là 01 điện thoại hiệu OPPO F7 trị giá 4.000.000 đồng.

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là 01 điện thoại hiệu OPPO F7 trị giá 4.000.000 đồng do bị cáo Trần Quốc T thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An truy tố bị cáo Trần Quốc T là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây mất an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật và sẽ bị trừng trị nhưng vì động cơ tham lam tư lợi nên bị cáo đã cố ý phạm tội. Do vậy, cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội, nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo.

+ Về nhân thân: Bị cáo Trình có nhân thân xấu, đã từng bị kết án 06 lần.

+ Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 06/9/2017, bị cáo bị Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An xét xử 08 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo bản án số 227/2017/HSST. Đối với bản án này bị cáo chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội nên theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Bộ luật Hình sự bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

+ Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do vậy, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An đề nghị áp dụng điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo để giảm nhẹ hình phạt là phù hợp.

Lời đề nghị mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc.

[3] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 điện thoại OPPO F7 màu đen thuộc sở hữu của bà Vũ Thị H nên cơ quan điều tra đã trả lại cho bà H là phù hợp. Bà H đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, biển số 61E1-296.14 qua điều tra xác định người đứng tên xe là bà Trịnh Thị N. Bà Trịnh Thị N khai đã bán xe này cho một cửa hàng xe máy cũ nhưng không làm thủ tục mua bán. Bị cáo khai đã mua lại xe này của một cửa hàng bán xe máy nhưng không rõ địa chỉ. Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an thị xã Thuận An đã thông báo truy tìm chủ sở hữu trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng không có kết quả. Xét thấy đây là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[4] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 – 12 – 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về trách nhiệm Hình sự: Tuyên bố bị cáo Trần Quốc T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Quốc T 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/10/2018.

2. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 xe mô tô 02 bánh, nhãn hiệu HONDA, biển số 61E1-296.14, số loại JC52 WAVE RSX, dung tích xy lanh 109 cm³

Số khung: RLHJC5220CY640383

Số máy: JC52E-5072882.

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 30/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Bị cáo Trần Quốc T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương
- VKSND cùng cấp;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Bình Dương
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Công an cùng cấp;
- Chánh án (để báo cáo);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người liên quan
- Lưu: HS, THAHS, AV.

Trần Huỳnh Minh Trí